

Số: 905 /TB-ĐHHHVN-KHCN

Hải Phòng, ngày 28. tháng 7... năm 2022

THÔNG BÁO

Về việc đăng ký chủ trì xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn của Bộ GTVT năm 2023

Kính gửi: Thủ trưởng các đơn vị trong toàn Trường


Triển khai Công văn 7568/BGTVT-KHCN ngày 26/7/2022 của Vụ Khoa học Công nghệ, Bộ Giao thông vận tải về việc đăng ký chủ trì xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn của Bộ Giao thông vận tải năm 2023, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam thông báo đến các cán bộ, giảng viên, các nhà khoa học được biết và đăng ký chủ trì theo danh mục nhiệm vụ tiêu chuẩn, quy chuẩn đã được phê duyệt trong Quyết định của Bộ GTVT (*Chi tiết xem công văn 7568/BGTVT-KHCN ngày 26/7/2022 của Bộ Giao thông vận tải kèm theo*).

Hồ sơ đăng ký chủ trì đề tài bao gồm:

- Thuyết minh và dự toán nhiệm vụ xây dựng tiêu chuẩn/quy chuẩn năm 2023;
- Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký làm Chủ trì nhiệm vụ xây dựng tiêu chuẩn/quy chuẩn;
- Tóm tắt hoạt động khoa học công nghệ của tổ chức chủ trì đề tài;
- Xác nhận về sự đồng ý của tổ chức đăng ký phối hợp (nếu có).

Hồ sơ đăng ký chủ trì xây dựng tiêu chuẩn/quy chuẩn (theo mẫu gửi kèm theo), đề nghị gửi về Phòng Khoa học - Công nghệ trước **11h00 ngày 03/8/2022**, đồng thời gửi file điện tử theo địa chỉ email: hienlt.khcn@vimaru.edu.vn để tổng hợp, gửi về Bộ GTVT theo quy định.

Mọi chi tiết đề nghị liên hệ trực tiếp với Phòng KH-CN (CV: Lê Thị Hiền, điện thoại 0945.506.468).

Trân trọng 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hiệu trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, KH-CN.



KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Nguyễn Thanh Sơn

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 7568 /BGTVT-KHCN

V/v đăng ký Cơ quan chủ trì xây dựng
tiêu chuẩn, quy chuẩn của Bộ GTVT
năm 2023

Hà Nội, ngày 26 tháng 07 năm 2022

TRƯỞNG ĐH HÀNG HẢI VIỆT NAM

ĐẾN Số:.....884.....
Ngày:.....26/7/2022.....

Chuyên:.....KHCN.....
Lưu hồ sơ số:.....

Kính gửi: Các cơ quan đơn vị trực thuộc Bộ GTVT

Căn cứ Quyết định số 832/QĐ-BGTVT ngày 27/06/2022 của Bộ GTVT phê duyệt Danh mục nhiệm vụ cập nhật, bổ sung, xây dựng mới tiêu chuẩn, quy chuẩn năm 2023;

Đề nghị các cơ quan, đơn vị đăng ký là Cơ quan chủ trì thực hiện nhiệm vụ xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn năm 2023 của Bộ GTVT (theo danh mục nhiệm vụ tiêu chuẩn, quy chuẩn đã được phê duyệt trong Quyết định nêu trên của Bộ GTVT và đã được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ).

Hồ sơ đăng ký bao gồm:

1. Công văn đăng ký chủ trì nhiệm vụ;
2. Thuyết minh và dự toán nhiệm vụ xây dựng tiêu chuẩn/quy chuẩn năm 2023 của Bộ GTVT đơn vị đăng ký là Cơ quan chủ trì xây dựng (có chữ ký, đóng dấu của Lãnh đạo Cơ quan chủ trì đồng thời đóng dấu giáp lai) theo mẫu trong Phụ lục 1;
3. Tóm tắt hoạt động khoa học công nghệ của đơn vị đăng ký là Cơ quan chủ trì xây dựng tiêu chuẩn/quy chuẩn (có chữ ký, đóng dấu của Lãnh đạo Cơ quan chủ trì đồng thời đóng dấu giáp lai) theo mẫu trong Phụ lục 2;
4. Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký làm Chủ trì nhiệm vụ xây dựng tiêu chuẩn/quy chuẩn (có xác nhận ký, đóng dấu của Lãnh đạo Cơ quan chủ quản, đóng dấu giáp lai) theo mẫu trong Phụ lục 3;
5. Xác nhận về sự đồng ý của tổ chức, cá nhân đăng ký phối hợp nếu có.

Hồ sơ làm 01 bộ chính (chữ ký tươi và đóng dấu đỏ) và 15 bộ copy gửi Bộ GTVT (qua Vụ Khoa học - Công nghệ).

Để đảm bảo tiến độ xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn năm 2023, Bộ GTVT đề nghị các đơn vị nộp hồ sơ đăng ký trước ngày 10/8/2022 để tổng hợp.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, KHCN.

TL. BỘ TRƯỞNG

HỘI TRƯỞNG VỤ KHCN



Lê Văn Dương

Số: 832 /QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày 27 tháng 06 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Danh mục cập nhật, bổ sung, xây dựng mới tiêu chuẩn, quy chuẩn và dự kiến kinh phí của Bộ Giao thông vận tải năm 2023

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 ngày 29/06/2006;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BKHCN ngày 18/11/2021 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn;

Căn cứ Thông tư số 26/2019/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Quyết định số 745/QĐ-BGTVT ngày 13/06/2022 của Bộ Giao thông vận tải về việc thành lập Hội đồng xác định nhiệm vụ cập nhật, bổ sung, xây dựng mới tiêu chuẩn, quy chuẩn của Bộ Giao thông vận tải năm 2023;

Căn cứ các Biên bản họp Hội đồng xác định danh mục nhiệm vụ cập nhật, bổ sung, xây dựng mới tiêu chuẩn, quy chuẩn của Bộ Giao thông vận tải năm 2023;

Xét văn bản đề xuất nhiệm vụ xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn năm 2022 bổ sung lần 1 của các đơn vị: Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Cục Hàng Không Việt Nam, Cục Đường sắt Việt Nam, Cục Đăng kiểm Việt Nam, Cục Hàng hải Việt Nam, Viện Khoa học và Công nghệ GTVT, Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học Công nghệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh mục nhiệm vụ cập nhật, bổ sung, xây dựng mới tiêu chuẩn, quy chuẩn và dự kiến kinh phí của Bộ Giao thông vận tải để đưa ra tuyển chọn thực hiện năm 2023 (có danh mục kèm theo).

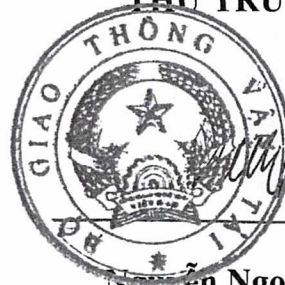
Điều 2. Vụ Khoa học - Công nghệ có trách nhiệm thông báo và triển khai thực hiện tuyển chọn Cơ quan chủ trì thực hiện nhiệm vụ cập nhật, bổ sung, xây dựng mới tiêu chuẩn, quy chuẩn của Bộ Giao thông vận tải năm 2023.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng các Vụ: Khoa học - Công nghệ, Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Tổng cục ĐBVN, Cục ĐTNĐVN, Cục ĐSVN, Cục HKVN, Cục HHVN, Cục ĐKVN, Viện KHCN GTVT, Trường ĐHCN GTVT;
- Công thông tin Bộ GTVT (để th/b);
- Lưu VT, KHCN;

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Ngọc Đông



PHỤ LỤC

**Danh mục nhiệm vụ cấp nhật, bổ sung, xây dựng mới tiêu chuẩn, quy chuẩn
và dự kiến kinh phí của Bộ Giao thông vận tải năm 2023**

(Kèm theo Quyết định số 8.000/QĐ-BGT/VT ngày 27 tháng 06 năm 2022 của Bộ Giao thông vận tải)

STT	Tên nhiệm vụ	Hình thức phát hành	Thời gian (tháng)	Kinh phí dự kiến (triệu VNĐ)	Ghi chú
1.	Thiết kế hầm đường sắt	TCVN	12	500	
2.	Phương pháp thử nghiệm đối với đá ba lát đường sắt	TCVN	18	500	
3.	Cảng thủy nội địa-Tiêu chuẩn khai thác	TCCS	12	300	
4.	Báo hiệu đường thủy nội địa-Yêu cầu thiết kế	TCCS	12	350	
5.	Công trình đường thủy, hàng hải-Khảo sát địa chất các công trình	TCVN	15	500	
6.	Tải trọng và tác động do sóng và tàu tác dụng lên công trình đường thủy nội địa	TCVN	12	300	
7.	Khảo sát độ sâu trong lĩnh vực hàng hải – Yêu cầu kỹ thuật	TCVN	12	200	
8.	Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nguội – Thi công và nghiệm thu - Phần 1: Hỗn hợp bê tông nhựa nguội (Cold-Mixed, Cold-Laid Bituminous Paving Mixture) - Phần 2: Hỗn hợp Bê tông nhựa nguội phản ứng với nước dùng để vá sửa mặt đường trong điều kiện ẩm ướt	TCVN	12	250	
9.	Lớp mặt đường bê tông xi măng – Sửa chữa – Thi công và nghiệm thu. Phần 1: Mặt đường bê tông xi măng thông thường có khe nối (Jointed Plain Concrete Pavement)	TCVN	12	250	

10.	Thi công trên đường đang khai thác – Tổ chức giao thông và bố trí phòng hộ	TCVN	12	250	
11.	Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng – Thi công và nghiệm thu – Phần 4: Hỗn hợp cấp phối đá chặt gia cố nhựa nóng (TCVN 13567-4:2022)	TCVN	12	250	
12.	Mặt đường bê tông nhựa – Sửa chữa – Thi công và nghiệm thu	TCVN	12	350	
13.	Cốt liệu dùng cho công trình giao thông: - Phương pháp lấy mẫu vật liệu - Phương pháp rút gọn mẫu cốt liệu đến kích cỡ mẫu thử nghiệm - Phương pháp xác định thành phần hạt cốt liệu nhỏ và cốt liệu lớn - Phương pháp xác định hàm lượng sét cục và hạt mềm yếu có trong cốt liệu	TCVN	12	500	
14.	Hỗn hợp nhựa nóng - Phương pháp bảo dưỡng mẫu	TCVN	12	150	
15.	Lớp mặt đường bằng bê tông nhựa chặt nóng sử dụng nhựa đường thông thường có thêm phụ gia SBS được đưa trực tiếp vào cốt liệu nóng tại trạm trộn – Thi công và nghiệm thu	TCVN	12	200	
16.	Đất xây dựng công trình giao thông – Chuẩn bị mẫu đất không nguyên dạng phục vụ công tác thí nghiệm	TCVN	12	150	
17.	Bê tông phun – Chuẩn bị mẫu thử	TCVN	12	200	
18.	Bê tông phun – Phương pháp thử mẫu khoan	TCVN	12	200	
19.	Hỗn hợp nhựa – Phương pháp thử xác định mức độ bao phủ nhựa trên bề mặt các hạt cốt liệu	TCVN	12	150	
20.	Soát xét, bổ sung TCVN 11820-1:2017 “Công trình cảng biển – Yêu cầu thiết kế” Phần 1: Nguyên tắc chung	TCVN	12	150	

21.	Soát xét, bổ sung TCVN 11820-2:2017 <i>Công trình cảng biển – Yêu cầu thiết kế. Phần 2: Tải trọng và tác động</i>	TCVN	12	350	
22.	Phương tiện giao thông đường bộ - Thiết bị nối, kéo sử dụng trên phương tiện cơ giới đường bộ - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	TCVN	12	200	
23.	Ứng dụng đường sắt – Hệ thống điều hòa không khí toa xe khách; Phần 1: Đặc tính kỹ thuật và phương pháp thử; Phần 2: Thử nghiệm kiểm loại	TCVN	12	350	
24.	Ứng dụng Đường sắt – Lắp đặt cố định – Yêu cầu đối với máy cắt xoay chiều: - Phần 1: Máy cắt có điện áp danh định trên 1 kV; - Phần 2: Máy cắt, máy cắt nối đất, thiết bị cách ly có điện áp danh định trên 1 kV	TCVN	12	220	
25.	Ứng dụng Đường sắt – Lắp đặt cố định – Yêu cầu cụ thể đối với thiết bị đóng cắt loại sử dụng điện xoay chiều: - Phần 3-1: Các thiết bị đo, kiểm soát và bảo vệ chuyên dụng trong các hệ thống điện kéo xoay chiều – Các thiết bị’ - Phần 3-2: Các thiết bị đo, kiểm soát và bảo vệ chuyên dụng trong các hệ thống điện kéo xoay chiều – Các loại máy biến dòng; - Phần 3-3: Các thiết bị đo, kiểm soát và bảo vệ chuyên dụng trong các hệ thống điện kéo xoay chiều – Các loại máy biến điện áp	TCVN	12	230	
26.	Ứng dụng đường sắt - Lắp đặt cố định - Bộ chuyển đổi điện điện tử cho trạm biến áp điện kéo	TCVN	12	220	
27.	Ứng dụng Đường sắt - Đo năng lượng trên tàu: - Phần 1: Yêu cầu chung; - Phần 2: Đo năng lượng; - Phần 3: Xử lý dữ liệu	TCVN	12	260	

28.	<p>Ứng dụng Đường sắt - Đo năng lượng trên tàu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần 4: Giao tiếp thông tin; - Phần 5: Thử nghiệm sự phù hợp; - Phần 6: Yêu cầu đối với các mục đích khác ngoài mục đích thanh toán 	TCVN	12	300	
29.	Tiêu chuẩn Việt Nam về hệ thống phù trợ dẫn đường vô tuyến mặt đất	TCVN	12	200	
30.	Ứng dụng Đường sắt- Đường ray – Các yêu cầu tính năng đối với bộ phụ kiện liên kết ray và tà vẹt	TCVN	12	400	
31.	Ứng dụng Đường sắt- Đường ray – Ray dùng cho đường sắt	TCVN	12	600	
32.	Thiết bị điện tử đường sắt - Mạng thông tin trên tàu (TCN) - Phần 3-3: Mạng tổ hợp CAN-Mở (CCN)	TCVN	12	300	
33.	Thiết bị điện tử đường sắt - Mạng thông tin trên tàu (TCN) - Phần 3-4: Mạng tổ hợp Ethernet (ECN)	TCVN	12	350	
34.	Công trình tuyến cáp treo và nhà ga – Phần 1: Cáp treo vận chuyên người	TCVN	12	250	
35.	Công trình cảng biển – Quy trình đánh giá an toàn công trình	TCVN	12	350	
36.	<p>Tiêu chuẩn đánh giá an toàn công trình đường sắt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần 1: Đường đường sắt - Phần 2: Nhà ga hành khách đường sắt - Phần 3: Cầu đường sắt - Phần 4: Hàm đường sắt 	TCVN	12	1500	
37.	<p>Tiêu chuẩn đánh giá an toàn công trình đường bộ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần 1: Đường đường bộ - Phần 2: Hàm đường bộ 	TCVN	12	1500	

	- Phần 3: Cầu đường bộ - Phần 4: Các hạng mục khác				
38.	Tiêu chuẩn đánh giá an toàn công trình hàng không: - Phần 1: Kết cấu cảng hàng không - Phần 2: Kết cấu hạ tầng sân bay	TCVN	12	1500	
39.	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phương tiện chuyên dùng di chuyển trên đường sắt khi sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu	QCVN	12	180	
40.	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về gương chiếu hậu dùng cho xe ô tô - Sửa đổi 1:2023 - QCVN33:2019/BGTVT	QCVN	12	130	
41.	Sửa đổi QCVN 64:2015/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kiểm tra sản phẩm công nghiệp dùng cho tàu biển	QCVN	12	80	
42.	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Phân cấp và giám sát kỹ thuật hệ thống đường ống biển - Sửa đổi 1:2023 QCVN 69:2014/BGTVT	QCVN	12	150	
43.	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải Mức 5 đối với xe ô tô sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới - Sửa đổi 1:2023 QCVN 109:2021/BGTVT	QCVN	12	150	

Phụ lục 1

TÊN CƠ QUAN ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ

DỰ ÁN XÂY DỰNG TIÊU CHUẨN/QUY CHUẨN QUỐC GIA

TÊN TIÊU CHUẨN/QUY CHUẨN

Mã số:

CƠ QUAN CHỦ QUẢN: BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CƠ QUAN CHỦ TRÌ :

CHỦ TRÌ XÂY DỰNG :

HÀ NỘI, 2022

DỰ ÁN XÂY DỰNG TIÊU CHUẨN/QUY CHUẨN QUỐC GIA

1. Tên tiêu chuẩn/quy chuẩn

2. Phạm vi, đối tượng áp dụng của tiêu chuẩn/quy chuẩn

3. Tổ chức (hoặc cá nhân) đề nghị

- Tên tổ chức (cá nhân):

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

- Fax:

- Email:

4. Tình hình đối tượng tiêu chuẩn/quy chuẩn trong và ngoài nước

4.1. Ngoài nước

.....

4.2. Trong nước

.....

5. Lý do và mục đích xây dựng TCVN/QCVN

- Sự cần thiết:

- Tiêu chuẩn đáp ứng những mục tiêu nào sau đây:

+ Thông tin, thông hiểu + Tiết kiệm

+ An toàn sức khỏe môi trường + Giảm chủng loại

+ Đồi lãn + Các mục đích khác (ghi dưới)

+ Chức năng công dụng chất lượng

- Tiêu chuẩn có dùng để chứng nhận không? có không

- Căn cứ:

+ Tiêu chuẩn/quy chuẩn có liên quan đến yêu cầu phát triển KTXH của Nhà nước không? có không

+ Thuộc chương trình nào?

+ Yêu cầu hài hoà tiêu chuẩn/quy chuẩn (QT và khu vực): có không

.....

6. Những vấn đề sẽ xây dựng tiêu chuẩn/quy chuẩn

- Những vấn đề sẽ xây dựng tiêu chuẩn/quy chuẩn (hoặc sửa đổi bổ sung):

+ Thuật ngữ và định nghĩa + Tiêu chuẩn cơ bản

+ Phân loại + Yêu cầu an toàn vệ sinh

+ Ký hiệu + Yêu cầu về môi trường

- | | | | |
|---------------------------------|--------------------------|---|--------------------------|
| + Thông số và kích thước cơ bản | <input type="checkbox"/> | + Lấy mẫu | <input type="checkbox"/> |
| + Yêu cầu kỹ thuật | <input type="checkbox"/> | + Phương pháp thử và kiểm tra | <input type="checkbox"/> |
| + Tiêu chuẩn về quá trình | <input type="checkbox"/> | + Bao gói, ghi nhãn, vận chuyển, bảo quản | <input type="checkbox"/> |
| + Tiêu chuẩn về dịch vụ | <input type="checkbox"/> | + Các khía cạnh và yêu cầu khác | <input type="checkbox"/> |
| | | | |

- Bố cục, nội dung các phần chính của TCVN/QCVN:

.....

Các Phụ lục:

- Số trang dự kiến:

- Nhu cầu khảo nghiệm tiêu chuẩn quốc gia trong thực tế: có không

7. Phương thức thực hiện và tài liệu làm căn cứ xây dựng

- Phương thức thực hiện:

+ Xây dựng mới + Sửa đổi, bổ sung

+ Chấp nhận tiêu chuẩn quốc tế + Thay thế

- Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng TCVN/QCVN (*bản chụp kèm theo*):

.....

8. Nhóm chuyên gia xây dựng tiêu chuẩn/quy chuẩn

—

– Chủ trì biên soạn

—

– Thành viên chính

—

– Thành viên chính

—

– Thành viên chính

—

– Thành viên chính

—

– Thành viên chính

—

– Thành viên chính

—

.....

9. Cơ quan phối hợp

.....

10. Dự kiến tiến độ thực hiện

TT	Nội dung công việc	Thời gian	
		Bắt đầu	Kết thúc
1	Lập và bảo vệ đề cương		
2	Biên soạn dự thảo TCVN		
3	Hội thảo, hội nghị chuyên đề		
4	Hội nghị chuyên gia cấp cơ sở		
5	Hội nghị chuyên gia cấp Bộ		
6	Hoàn chỉnh và lập hồ sơ dự thảo TCVN		
7	Gửi hồ sơ dự thảo TCVN để thẩm định		
8	Thẩm định dự thảo TCVN		
9	Lập hồ sơ TCVN trình duyệt		

11. Dự toán kinh phí thực hiện

a. Tổng kinh phí: _____, trong đó:

- Ngân sách Nhà nước:
- Đóng góp của các tổ chức, cá nhân:
- Nguồn khác:
- Dự toán chi tiết kinh phí thực hiện: *(Lập dự toán chi tiết kèm theo)*

Hà Nội, ngày _____ tháng _____ năm 2022

CHỦ TRÌ XÂY DỰNG
(Họ tên, chữ ký)

CƠ QUAN CHỦ TRÌ XÂY DỰNG
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

PHÊ DUYỆT CỦA BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ KHCN

Lê Văn Dương

Phụ lục 3
LÝ LỊCH KHOA HỌC
CỦA CÁ NHÂN CHỦ TRÌ XÂY DỰNG TIÊU CHUẨN/QUY CHUẨN

1. Họ và tên:			
2. Năm sinh:		3. Nam/Nữ:	
4. Học hàm:		Năm được phong học hàm:	
Học vị:		Năm được phong học vị:	
5. Chức danh nghiên cứu:		Chức vụ:	
6. Địa chỉ nhà riêng:			
7. Điện thoại:		Mobile:	
8. Fax:		E-mail:	
9. Cơ quan - nơi làm việc của cá nhân đăng ký chủ trì xây dựng tiêu chuẩn/quy chuẩn:			
Tên người Lãnh đạo Cơ quan:			
Điện thoại người Lãnh đạo Cơ quan:			
Địa chỉ Cơ quan:			
10. Quá trình đào tạo			
Bậc đào tạo	Nơi đào tạo	Chuyên môn	Năm tốt nghiệp
Đại học			
Thạc sỹ			
Tiến sỹ			
Các đào tạo chuyên môn			
11. Quá trình công tác			
Thời gian (Từ ... đến ...)	Vị trí công tác	Cơ quan công tác	Địa chỉ Cơ quan

TT	Hình thức và nội dung giải thưởng	Năm tặng thưởng
1		
2		
16. Thành tựu hoạt động KH&CN và sản xuất kinh doanh khác (Liên quan đến tiêu chuẩn/quy chuẩn đăng ký chủ trì xây dựng - nếu có)		
17. Các thành tích khác (Các công trình công bố chủ yếu, văn bằng bảo hộ sở hữu trí tuệ đã được cấp, số công trình được áp dụng trong thực tế - Liên quan đến tiêu chuẩn/quy chuẩn đăng ký chủ trì xây dựng - nếu có)		

**TỔ CHỨC - NƠI LÀM VIỆC CỦA CÁ NHÂN
ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ XÂY DỰNG
TIÊU CHUẨN QUY CHUẨN**
(Lãnh đạo ký xác nhận và đóng dấu)

Hà Nội, ngày tháng năm 2022
**CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ
XÂY DỰNG TIÊU CHUẨN QUY CHUẨN**
(Họ tên và chữ ký)

Đơn vị đồng ý và sẽ dành thời gian cần thiết để
Ông/Bà tham gia thực hiện tiêu chuẩn, quy chuẩn

Phụ lục 2

TÓM TẮT HOẠT ĐỘNG KH&CN CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ LÀ CƠ QUAN CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ XÂY DỰNG TIÊU CHUẨN, QUY CHUẨN

1. Tên tổ chức:

Năm thành lập:

Địa chỉ:

Website:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

2. Chức năng, nhiệm vụ và loại hình hoạt động KH&CN hoặc sản xuất kinh doanh liên quan đến tiêu chuẩn, quy chuẩn đăng ký chủ trì xây dựng:

a. Chức năng

.....

b. Nhiệm vụ

.....

c. Chức năng nhiệm vụ theo Giấy chứng nhận hoạt động KH&CN

.....

3. Tổng số cán bộ có trình độ đại học trở lên của tổ chức:

<i>TT</i>	<i>Cán bộ có trình độ đại học trở lên</i>	<i>Tổng số</i>
1	Tiến sĩ	
2	Thạc sĩ	
3	Đại học	

4. Số cán bộ nghiên cứu của tổ chức trực tiếp tham gia biên soạn tiêu chuẩn, quy chuẩn đăng ký chủ trì

<i>TT</i>	<i>Cán bộ có trình độ đại học trở lên</i>	<i>Số trực tiếp tham gia thực hiện nhiệm vụ</i>
1	Tiến sĩ	
2	Thạc sĩ	
3	Đại học	

5. Kinh nghiệm và thành tựu KH&CN trong 5 năm gần nhất liên quan đến tiêu chuẩn, quy chuẩn đăng ký chủ trì của các cán bộ trong tổ chức trực tiếp tham gia biên soạn tiêu chuẩn đã kê khai ở mục 4 trên đây (Nêu lĩnh vực chuyên môn có kinh nghiệm, số năm kinh nghiệm, tên các đề tài/dự án/ tiêu chuẩn/quy chuẩn đã chủ trì hoặc tham gia, những công trình đã áp dụng vào sản xuất và đời sống, thành tựu hoạt động KH&CN và sản xuất kinh doanh khác, ...)

.....

6. Cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có liên quan đến tiêu chuẩn, quy chuẩn đăng ký chủ trì:

6.1. Nhà xưởng:

.....

6.2. Trang thiết bị chủ yếu:

.....

7. Khả năng huy động các nguồn vốn khác (ngoài NS SNKH) cho việc thực hiện tiêu chuẩn, quy chuẩn đăng ký chủ trì:

Vốn tự có: triệu đồng (văn bản chứng minh kèm theo).

Nguồn vốn khác: triệu đồng (văn bản chứng minh kèm theo).

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

**THỦ TRƯỞNG TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ
CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ XÂY DỰNG TC, QC**
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)